

Số: 67E/QĐ-THSL

Sa Lông, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách cho các cơ quan, đơn vị
tháng 9 năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 3018/TB-STC ngày 22/9/2025 của Sở tài chính tỉnh Điện Biên tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các xã, phường mới thành lập (đợt 3) năm 2025;

Căn cứ quyết định số 367 /QĐ-UBND Na Sang ngày 30 tháng 09 năm 2025 tạm cấp kinh phí chi thường xuyên ngân sách cho các cơ quan, đơn vị tháng 9/2025 (Lần 1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách tạm cấp tháng 9 năm 2025 của Trường PTDTBT Tiểu học Sa Lông (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán Trường PTDTBT tiểu học Sa Lông, trường được giao dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website trường PTDTBT TH Sa Lông
- Lưu KT, VT.



Đơn vị: PTDTBT TH Sa Long
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Số: 67E/QĐ-THSL, Sa Long, ngày 30 tháng 09 năm 2025 Trường PTDTBT Tiểu học Sa Long
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	762.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	762.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	762.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	